TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 9 - 2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Việt và ông Lê Văn Học;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Hiếu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993,

Số CCCD: 044193008361 cấp ngày 24/3/2023 tại Cục C về TTXH.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường B, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Lê Doãn N, sinh năm 1990,

Số CCCD: 044090012678 cấp ngày 18/01/2023 tại Cục C về TTXH.

Địa chỉ: Thôn H, xã L, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt có ý kiến xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị L trình bày:* Chị và anh Lê Doãn N tìm hiểu, đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện tại UBND xã L, tỉnh Quảng Trị (cũ là UBND xã S, huyện L, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 17/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn H, xã L, tỉnh Quảng Trị. Hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hoà hợp, thiếu sự tin tưởng lẫn về tình cảm và kinh tế gia đình nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả, anh N đã nhiều lần đánh đập chị vô cớ khiến chị phải nhập viện điều trị. Vợ chồng sống ly thân khoảng 10 năm nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L nhận thấy bản thân đã hết tình cảm vợ chồng, cuộc hôn nhân không thể kéo dài nên chị L xin ly hôn anh Lê Doãn N. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Lê Nguyễn Anh Q, sinh ngày 25/10/2013 và Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 28/11/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Do vậy, khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên anh N không đến Toà án theo giấy triệu tập. Quá trình xác minh cho thấy được:* Về quá trình yêu nhau, kết hôn và chung sống của vợ chồng, anh N nhất trí như sự trình bày của chị L. Anh và chị L sống ly thân nhau gần 10 năm, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu ly hôn, anh nhất trí. Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Lê Nguyễn Anh Q, sinh ngày 25/10/2013 và Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 28/11/2017. Hiện nay các con đang sống cùng chị L tại tổ dân phố T, phường B, tỉnh Quảng Trị. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao các con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh N sẽ không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung tranh chấp: Áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn chị L xử cho chị L được ly hôn anh N; về con chung: Áp dụng các Điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Lê Nguyễn Anh Q và Lê Nguyễn Anh T nhằm tạo sự ổn định trong cuộc sống của con; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí, nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh N là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn anh N có nơi đăng ký cư trú tại thôn H, xã L, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Bị đơn anh Lê Doãn N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Hiện nay anh N vẫn đang làm ăn sinh sống địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Doãn N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày và thừa nhận của chị L và anh N thì chị L, anh N đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã L, tỉnh Quảng Trị (cũ là UBND xã S, huyện L, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 17/5/2012, do đó hôn nhân giữa chị chị L và anh N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, khoảng thời gian đầu cuộc sống vợ chồng khá hạnh phúc, về sau giữa vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hoà hợp, thiếu sự tin tưởng lẫn về tình cảm và kinh tế gia đình nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Cả chị L và anh N đều xác nhận tình cảm vợ chồng thực sự không còn và đề nghị xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị L và anh N đều thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Nguyễn Anh Q, sinh ngày 25/10/2013 và Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 28/11/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Khi ly hôn, chị L1 có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, anh N đồng ý với yêu cầu của chị L (Theo nội dung biên bản xác minh ngày 21/8/2025). Con chung Lê Nguyễn Anh Q có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn (theo nội dung đơn trình bày nguyện vọng con đề ngày 07/8/2025). Xét thấy, từ khi vợ chồng chị L, anh N ly thân, các con chung đều do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, nhằm tạo sự ổn định trong cuộc sống của con chung sau

khi cha mẹ ly hôn, cần giao các con chung cho chị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị L đủ khả năng, điều kiện nuôi con và không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nguyện vọng của các đương sự, của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này, nếu điều kiện của các bên thay đổi, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh N đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lê Doãn N.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con Lê Nguyễn Anh Q, sinh ngày 25/10/2013 và con Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 28/11/2017 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh Lê Doãn N không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị L có đủ điều kiện, khả năng nuôi con và không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Hoặc nhận thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Quảng Trị theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000457 ngày 21/7/2025. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;

TÒA
- VKSND KV4 - Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Lệ Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu VP- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Châu Mạnh Cường